

Số: /QĐ-SNN

Quảng Trị, ngày tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Giao nhiệm vụ chủ trì hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ,
đánh giá thực hiện các tiêu chí thuộc Chương trình MTQG
xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Quyết định số 26/2023/QĐ-UBND ngày 01/11/2023 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; bổ sung tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 1738/QĐ-UBND ngày ngày 04/7/2022 của UBND tỉnh về việc Ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025; Căn cứ Quyết định số 1739/QĐ-UBND ngày 04/7/2022 của UBND tỉnh về việc Ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 2052/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh về việc Ban hành Bộ tiêu chí thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới thuộc các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Quyết định số 2053/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh về việc Ban hành Bộ tiêu chí thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Quyết định số 2054/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh về việc Ban hành Bộ tiêu chí xây dựng Vườn mẫu nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 04/4/2024 của UBND tỉnh về sửa đổi và quy định một số chỉ tiêu của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 765/QĐ-UBND ngày 04/4/2024 của UBND tỉnh về ban hành quy định một số chỉ tiêu của Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ các Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị thuộc Sở;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính và Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân công, giao nhiệm vụ chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu nông thôn mới thuộc các bộ tiêu chí: huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao; bộ tiêu chí nông thôn mới cấp thôn; bộ tiêu chí vườn mẫu nông thôn mới thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho các cơ quan, đơn vị *(có phụ lục đính kèm)*.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Các cơ quan, đơn vị chủ trì chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc các bộ tiêu chí do ngành Nông nghiệp và PTNT đảm nhiệm. Thực hiện việc rà soát và tham mưu xây dựng giải pháp hỗ trợ các địa phương hoàn thiện các tiêu chí, chỉ tiêu, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện của các địa phương nhằm đảm bảo hoàn thành các mục tiêu xây dựng nông thôn mới hàng năm và giai đoạn 2021-2025.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; thay thế Quyết định số 194/QĐ-SNN ngày 09/9/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc giao nhiệm vụ chủ trì hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ, đánh giá thực hiện các tiêu chí thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Trưởng các phòng: Tổ chức – Hành chính, Kế hoạch – Tài chính; Trưởng các phòng có liên quan và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Sở được giao nhiệm vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- GD, các PGD;
- Lưu: VT, TCHC.

GIÁM ĐỐC

Hồ Xuân Hòa

PHỤ LỤC: PHÂN CÔNG THEO DÕI, HƯỚNG DẪN, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SNN về việc giao nhiệm vụ chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đánh giá thực hiện các tiêu chí thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị)

1. Triển khai theo dõi, hướng dẫn, đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc phạm vi quản lý của ngành nông nghiệp trong bộ tiêu chí huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao (theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 và Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ)

| TT | Tiêu chí | Nội dung chỉ tiêu | Đơn vị chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đánh giá |
|-----------|--|--|--|
| I | Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới | | |
| 1 | Tiêu chí số 2 - Giao thông | 2.3. Tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường | Chi cục Kiểm lâm |
| 2 | Tiêu chí số 3 - Thủy lợi và phòng, chống thiên tai | 3.1. Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch | Chi cục Thủy lợi |
| | | 3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ | |
| 3 | Tiêu chí số 6 - Kinh tế | 6.3. Hình thành vùng nguyên liệu tập trung đôi với các sản phẩm chủ lực hoặc có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực của huyện | Chi cục Trồng trọt và BVTV chủ trì, phối hợp với các Chi cục: Thủy sản, Chăn nuôi- Thú y, Kiểm lâm, Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, Trung tâm Khuyến nông |
| | | 6.4. Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoặc đơn vị chuyên giao kỹ | Trung tâm Khuyến nông |

| TT | Tiêu chí | Nội dung chỉ tiêu | Đơn vị chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đánh giá |
|-----------|--|--|--|
| | | thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả | |
| 4 | Tiêu chí số 7 - Môi trường | 7.3. Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên | Chi cục Trồng trọt và BVTV chủ trì, phối hợp Chi cục Chăn nuôi Thú y |
| | | 7.6. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn | Chi cục Kiểm lâm |
| 5 | Tiêu chí số 8 - Chất lượng môi trường sống | 8.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung | Trung tâm Nước sạch và VSMTNT |
| | | 8.2. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững. | |
| II | Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao | | |
| 1 | Tiêu chí số 3 - Thủy lợi và phòng, chống thiên tai | 3.1. Các công trình thủy lợi do huyện quản lý được bảo trì, nâng cấp | Chi cục Thủy lợi |
| | | 3.2. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các vi phạm và nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi trên địa bàn huyện | |
| | | 3.3. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ | |

| TT | Tiêu chí | Nội dung chỉ tiêu | Đơn vị chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đánh giá |
|-----------|--|---|--|
| 2 | Tiêu chí số 6 - Kinh tế | 6.2. Vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của huyện được đầu tư đồng bộ về cơ sở hạ tầng, được cấp mã vùng và có ứng dụng quy trình kỹ thuật tiên tiến | Chi cục Trồng trọt và BVTV chủ trì, phối hợp với các Chi cục: Thủy sản, Chăn nuôi- Thú y, Kiểm lâm, Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, Trung tâm Khuyến nông |
| | | 6.4. Có Đề án/Kế hoạch hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn đối với sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP và được triển khai hiệu quả | Chi cục Phát triển nông thôn |
| 3 | Tiêu chí số 7 - Môi trường | 7.3. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và sản phẩm thân thiện với môi trường | Chi cục Trồng trọt và BVTV |
| | | 7.6. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn | Chi cục Kiểm lâm |
| 4 | Tiêu chí số 8 - Chất lượng môi trường sống | 8.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung | Trung tâm Nước sạch và VSMTNT |
| | | 8.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm | |
| | | 8.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung trên địa bàn huyện có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững | |

| TT | Tiêu chí | Nội dung chỉ tiêu | Đơn vị chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đánh giá |
|-----------|-----------------|--|---|
| | | 8.7. Tỷ lệ cán bộ làm công tác quản lý chất lượng an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản do huyện quản lý hàng năm được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ | Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản |

2. Triển khai theo dõi, hướng dẫn, đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc phạm vi quản lý của ngành nông nghiệp trong bộ tiêu chí xã nông thôn mới (theo Quyết định số 1738/QĐ-UBND ngày 04/7/2022 của UBND tỉnh)

| TT | Tiêu chí | Nội dung chỉ tiêu | Đơn vị chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đánh giá |
|-----------|---|--|---|
| 1 | Tiêu chí số 3 - Thủy lợi và phòng chống thiên tai | 3.1. Tỷ lệ đất sản xuất nông nghiệp được tưới, tiêu chủ động đạt từ 80% trở lên | Chi cục Thủy lợi |
| | | 3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ | |
| 2 | Tiêu chí số 13 - Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn | 13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã, hoặc xã có tổ hợp tác hoạt động hiệu quả, theo đúng quy định của pháp luật và có hợp đồng hợp tác, tiêu thụ sản phẩm chủ lực của địa phương | Chi cục Phát triển nông thôn |
| | | 13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững | Chi cục Phát triển nông thôn |
| | | 13.3. Thực hiện truy xuất | Chi cục Quản lý chất |

| TT | Tiêu chí | Nội dung chỉ tiêu | Đơn vị chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đánh giá |
|----|---|--|--|
| | | nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương | lượng nông lâm sản và thủy sản chủ trì phối hợp với Chi cục Trồng trọt, Chăn nuôi Thú y, Thủy sản, Kiểm lâm, Trung tâm Khuyến nông |
| | | 13.4. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường | Chi cục Phát triển nông thôn |
| | | 13.5. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả | Trung tâm Khuyến nông |
| 3 | Tiêu chí số 17 - Môi trường và an toàn thực phẩm | 17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn | Trung tâm nước sạch và VSMTNT |
| | | 17.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn | Chi cục Kiểm lâm |
| | | 17.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường | Chi cục Chăn nuôi Thú y |
| | | 17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm | Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản |
| 4 | Tiêu chí số 18 - Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật | 18.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát | Văn phòng Điều phối NTM tỉnh |

| TT | Tiêu chí | Nội dung chỉ tiêu | Đơn vị chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đánh giá |
|----|----------|-------------------|--|
| | | triển thôn | |

3. Triển khai theo dõi, hướng dẫn, đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc phạm vi quản lý của ngành nông nghiệp trong bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao (theo Quyết định số 1739/QĐ-UBND ngày 04/7/2022 của UBND tỉnh;)

| TT | Tiêu chí | Nội dung chỉ tiêu | Đơn vị chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đánh giá |
|----|---|---|--|
| 1 | Tiêu chí số 3 - Thủy lợi và phòng, chống thiên tai | 3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động | Chi cục Thủy lợi |
| | | 3.2. Tổ chức thủy lợi cơ sở (nếu có) hoạt động hiệu quả | |
| | | 3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước | |
| | | 3.4. Tỷ lệ công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm | |
| | | 3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi | |
| | | 3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ | |
| 2 | Tiêu chí số 13 – Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn | 13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định | Chi cục Phát triển nông thôn |
| | | 13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn | Chi cục Phát triển nông thôn |

| TT | Tiêu chí | Nội dung chỉ tiêu | Đơn vị chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đánh giá |
|----|-------------------------------|---|--|
| | | 13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM), hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, hoặc mô hình liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm | Chi cục Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi Thú y, Thủy sản, Kiểm lâm, Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, Trung tâm Khuyến nông |
| | | 13.4. Ứng dụng công nghệ số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã | Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản |
| | | 13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử | Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và Thủy sản |
| | | 13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng | Chi cục Trồng trọt và BVTV chỉ trì, phối hợp với các Chi cục: Thủy sản, Chăn nuôi- Thú y, Kiểm lâm, Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản |
| | | 13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường) | Chi cục Phát triển nông thôn |
| 3 | Tiêu chí số 17- Môi trường | 17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường | Chi cục Trồng trọt chủ trì, phối hợp với Chi cục Chăn nuôi Thú y có trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá thực hiện |
| | | 17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi | Chi cục Chăn nuôi Thú |

| TT | Tiêu chí | Nội dung chỉ tiêu | Đơn vị chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đánh giá |
|----|---|---|---|
| | | bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường | y |
| | | 17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn | Chi cục Kiểm lâm |
| 4 | Tiêu chí số 18- Chất lượng môi trường sống | 18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung | Trung tâm nước sạch và VSMTNT |
| | | 18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm | Trung tâm nước sạch và VSMTNT |
| | | 18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững | Trung tâm nước sạch và VSMTNT |
| | | 18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm | Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản |
| | | 18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã | Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản |
| | | 18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm | Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản |

4. Triển khai theo dõi, hướng dẫn, đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc phạm vi quản lý của ngành nông nghiệp trong bộ tiêu chí thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới thuộc các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân

tộc thiểu số và miền núi (theo Quyết định số 2052/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 và Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 22/4/2024 của UBND tỉnh)

| TT | Tiêu chí | Nội dung chỉ tiêu | Đơn vị chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đánh giá |
|-----------|------------------|---|--|
| 1 | Thủy lợi | 2.1. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ | Chi cục Thủy lợi |
| | | 2.2. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp cây trồng chủ lực được tưới và tiêu n chủ động đạt từ 80% trở lên | |
| 2 | Tổ chức sản xuất | Có mô hình sản xuất tập trung, hiệu quả; đặc biệt ưu tiên phát triển các loại cây trồng, con nuôi chủ lực của địa phương. | Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật chủ trì, phối hợp với Chi cục Chăn nuôi Thú y, Chi cục Thủy sản, Trung tâm Khuyến nông |
| 3 | Môi trường | 13.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ các nguồn | Trung tâm nước sạch và VSMTNT |
| | | 13.2. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường | Chi cục Chăn nuôi Thú y |
| | | 13.5. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm | Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản |

5. Triển khai theo dõi, hướng dẫn, đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc phạm vi quản lý của ngành nông nghiệp trong bộ tiêu chí thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (theo Quyết định số 2053/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 và Quyết định số 948/QĐ-UBND ngày 22/4/2024 của UBND tỉnh)

| TT | Tiêu chí | Nội dung chỉ tiêu | Đơn vị chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đánh giá |
|-----------|-----------------------|---|---|
| 1 | Phòng chống thiên tai | Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ. | Chi cục Thủy lợi |

| | | | |
|---|--|---|--|
| 2 | Vườn và nhà ở hộ gia đình | 5.1. Vườn | Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật |
| | | - Tỷ lệ hộ thực hiện chỉnh trang, cải tạo vườn nhà phù hợp đảm bảo cảnh quan đẹp, không còn các loại cây dại, cây tạp | |
| | | - Có tối thiểu 01 vườn mẫu được công nhận theo Bộ tiêu chí của UBND tỉnh | |
| | | 5.3. Hàng rào | |
| | | Tỷ lệ hộ có hàng rào (hàng rào bằng cây xanh, trồng hoa hoặc được xây dựng bằng các loại vật liệu khác được phủ xanh), phù hợp với đặc trưng của nông thôn | |
| 4 | Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn | Có mô hình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM) hoặc có mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu sản xuất gắn với sản xuất an toàn thực phẩm, hoặc có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm | Chi cục Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi Thú y, Thủy sản, Kiểm lâm, Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, Trung tâm Khuyến nông |
| 5 | Môi trường | 11.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ các nguồn | Trung tâm nước sạch và VSMTNT |
| | | 11.3. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường | Chi cục Chăn nuôi Thú y |

6. Triển khai theo dõi, hướng dẫn, đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc phạm vi quản lý của ngành nông nghiệp trong bộ tiêu chí xây dựng vườn mẫu nông thôn mới (theo Quyết định số 2054/QĐ-UBND ngày 08/8/2022; Quyết định số 947/QĐ-UBND ngày 22/4/2024 của UBND tỉnh)

| TT | Tiêu chí | Nội dung chỉ tiêu | Đơn vị chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đánh giá |
|----|----------|-------------------|--|
|----|----------|-------------------|--|

| | | | |
|---|---|---|--|
| 1 | Diện tích vườn, bố trí sắp xếp vườn mẫu | Vườn có diện tích từ 500m ² trở lên (Vườn gắn liền với hộ gia đình) | Chi cục Trồng trọt và BVTV |
| | | Vườn mẫu được bố trí các khu vực sản xuất hợp lý, khoa học, có rãnh thoát nước và hệ thống đường bê tông hoặc cứng hóa (không lầy lội vào mùa mưa) kết nối các khu sản xuất. | |
| 2 | Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật | Đối với diện tích vườn từ 500m ² đến 1.000m ² thì phải có 100% diện tích được lắp đặt hệ thống tưới tiêu khoa học; đối với diện tích vườn trên 1.000m ² thì yêu cầu phải có 50% diện tích vườn được lắp đặt hệ thống tưới, tiêu khoa học. Có áp dụng tối thiểu 01 ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ tiên tiến vào một trong các khâu sản xuất, thu hoạch, bảo quản và chế biến. | Chi cục Trồng trọt và BVTV |
| 3 | Sản phẩm từ vườn | Sản phẩm hàng hoá đảm bảo an toàn thực phẩm. | Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản chủ trì phối hợp với các Chi cục Chăn nuôi Thú y, Trồng trọt và BVTV và Thủy sản |
| | | Giá trị sản phẩm chủ lực của vườn đạt tối thiểu 50% trên tổng giá trị sản phẩm của vườn. | Chi cục Trồng trọt và BVTV |